

Số: 30/2026/QĐST-HNGĐ

Cao Bằng, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 51/2026/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị K; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hồ N, xã T, tỉnh Cao Bằng; địa chỉ nơi tạm trú: Hộ ông Vũ Công H tại thôn Q, xã M, Thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ma Thị L - Trợ giúp viên pháp lý; nghề nghiệp: Viên chức; nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.

- **Bị đơn:** Anh Triệu Văn C; địa chỉ nơi cư trú: xóm H, xã T, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các **điều 55, 57** Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 9; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 **Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa **chị Trần Thị K** và anh **Triệu Văn C**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng

Chị Trần Thị K và anh **Triệu Văn C** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung

Chị Trần Thị K và anh Triệu Văn C cùng xác nhận, anh chị không có con chung.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị K và anh Triệu Văn C tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị K và anh Triệu Văn C **xác nhận, anh chị không có nợ chung.**

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Miễn nộp tiền án phí dân sự không có giá ngạch cho nguyên đơn chị **Trần Thị K** (thuộc trường hợp hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí).

- Bị đơn anh Triệu Văn C có trách nhiệm nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 75.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn) vào ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Tĩnh Túc (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Long Thị Thanh